

Bản án số: 97/2026/DS-ST

Ngày: 27-3-2026

V/v Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lan Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Chí Linh

Bà Lê Thị Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2-Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 23 và 27 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2025/TLST- DS ngày 29 tháng 12 năm 2025, về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông T Văn T, sinh năm 1993 (có mặt)

Số căn cước công dân 096093007401 cấp ngày 09/8/2021

Địa chỉ: Ấp A, xã KL, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Kim X – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm TGPLNN tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn M (vắng mặt)

Bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1956 (có mặt)

Số căn cước công dân 096156007496 cấp ngày 12/8/2021

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã KL, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trình bày của ông T Văn T:***

Năm 2020 ông T Văn T được cha mẹ ruột là ông Trần Văn M và bà Hồ Thị Đ hứa cho một phần diện tích tràm chiều ngang 12m, chiều dài 700m. Do ông M và bà Đ cần vốn để cải tạo đầu tư tràm nên ông T có giao cho ông M và bà Đ 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay ông M và bà Đ vẫn không cho ông T phần liếp tràm như

thỏa thuận.

Tại phiên tòa, ông T Văn T chỉ khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn M, bà Hồ Thị Đ phải có nghĩa vụ trả lại cho ông T số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Ông T Văn T xin rút lại yêu cầu đối với ông Trần Văn M, bà Hồ Thị Đ đối với số tiền 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*).

***Trình bày của bà Hồ Thị Đ:***

Bà Hồ Thị Đ và ông Trần Văn M là cha mẹ ruột của ông T Văn T. Bà Đ không thừa nhận việc đã nhận của ông T 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, do ông T là con, đang bị tật, lao động khó khăn nên bà Đ thống nhất trả lại cho ông T 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Bà Trần Kim Xuyên thống nhất với ý kiến của ông T Văn T, không có ý kiến khác.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lí do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự này.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của ông T Văn T đối với ông Trần Văn M, bà Hồ Thị Đ thuộc lĩnh vực dân sự, tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng đòi lại tài sản. Ông Trần Văn M, bà Hồ Thị Đ là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại Ấp A, xã KL, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa, ông T Văn T xin rút lại yêu cầu đối với ông Trần Văn M và bà Hồ Thị Đ về việc đòi lại 40.000.000 đồng nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của ông T theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đơn khởi kiện ngày 22/12/2025 ông T Văn T khởi kiện ông Trần Văn M, bà Hồ Thị Đ yêu cầu trả lại 60.000.000 đồng, Tại phiên tòa, ông T chỉ yêu cầu ông M, bà Đ trả lại 20.000.000 đồng, ông T xin rút yêu cầu trả lại 40.000.000 đồng đối với ông M, bà Đ. Xét thấy, tranh chấp giữa ông T và ông M, bà Đ là thực tế có xảy ra, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên phát sinh tranh chấp, xét yêu cầu của ông T đối với ông M, bà Đ về việc trả lại 20.000.000 đồng, được bà Đ thống nhất trả nên yêu cầu của ông T là có căn cứ chấp

nhận. Ông Trần Văn M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lí do. Bà Đ và ông M là vợ chồng còn trong thời kì hôn nhân nên ông M phải có nghĩa vụ liên đới với bà Đ trả lại cho ông T 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

[2.2] Đối với việc ông T Văn T rút lại yêu cầu ông Trần Văn M và bà Hồ Thị Đ về việc đòi lại 40.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu của ông T là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên được chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là phù hợp.

[2.3] Xét ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T Văn T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Các vấn đề khác: Trường hợp ông Trần Văn M và bà Hồ Thị Đ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do ông Trần Văn M và bà Hồ Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 166, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T Văn T đối với ông Trần Văn M, bà Hồ Thị Đ về việc trả lại 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*).

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T Văn T đối với ông Trần Văn M, bà Hồ Thị Đ về việc trả lại tiền.

Buộc ông Trần Văn M và bà Hồ Thị Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả lại cho ông T Văn T 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày ông T Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông Trần Văn M và bà Hồ Thị Đ chậm thanh toán khoản tiền nói trên cho ông T phải thì ông M, bà Đ phải chịu lãi suất phát sinh theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn M và bà Hồ Thị Đ được miễn nộp án phí theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Lan Anh**